

頓服薬＜用法・用量を守って使用してください＞

Khi cần sử dụng thuốc＜vui lòng sử dụng đúng cách và đúng liều lượng＞

일회용＜용법・용량을 지켜 사용해 주세요＞

必要时服用＜请务必按方规定的用量・用法使用＞

Use quando for necessário＜Por favor, use os medicamentos da maneira correta e com a dose apropriada＞

Use when necessary＜please be sure to use the medication correctly in the prescribed dosage and method＞

服用方法 Cách sử dụng thuốc 약가 용방법 服用药的方法 Como fazer exame da medicina. How to take the medicine.

1 回	(錠	・ カプセル	・ 包	・ mL) を使用してください
1 lần	(Viên	・ viên con nhộng	・ bao	・ mL) cho mỗi liều thuốc
1 회	(알을	・ 캡슐	・ 봉	・ mL) 복용 해주세요
1 次	(片	・ 胶囊	・ 包	・ mL) 使用
1 dose	(comprimido(s)	・ cápsulas	・ pacotinho(s)	・ mL) para cada dose
1 dose	(tablets	・ capsules	・ packs	・ mL) for each dose
Uống	回分	1 日	回まで	
	ngày thuốc	1 ngày uống	lần	
	회분	하루	회까지	
	次的量	1 天内不超过	次	
para	unidades(dose)	até	vezes por dia	
for	units(dose)	up to	times per day	
	Mỗi lần uống cách nhau		時間毎	
			tiếng	
			시간갑각두고	
			小时	
	tomar em intervalos de pelo menos		horas, pelo mínimo	
	take at intervals at least		hours apart	

- ☐ 不眠時 Mất ngủ 잠이오지않을때 睡不着时 Durante a insônia (quando estiver incapaz de dormir) during insomnia (when you are unable to sleep)
- ☐ 発熱時 Phát sốt 열이날때 高烧时 Quando você tiver febre when you have a fever
- ☐ ※[]℃以上の時 이상일때 ℃以上时 fever of ()℃ or higher
- ☐ 痛い時 Khi cảm thấy đau 통증이심할때 疼痛时 Quando você estiver com dor when you feel a pain
- ☐ 発作時 Khi phát cơn (đau) 발작지 发作时 Em um ataque at an attack
- ☐ 胸痛時 Đau tim (đau ngực) 심장 [이아플때] 心脏 (胸痛时) Com dor do coração at heart pain
- ☐ 舌下錠＜※舌の下に含み溶かしてください＞ Thuốc đặt dưới lưỡi ＜※ Hãy đặt dưới lưỡi thuốc sẽ tan trong miệng＞
 설하장 ＜※혀의 밑에 넣어서 녹여 주십시오＞ 舌下含片剂 Comprimido sublingual ＜segure-o sob sua língua e deixe derreter＞ sublingual tablet ＜hold it under your tongue and let it melt＞
- ☐ 喘息 Hen suyễn 천식 哮喘 Asma a asthma
- ☐ てんかん Động kinh 간질 癲癇 Epilepsia at epilepsy
- ☐ 嘔気時 Buồn nôn 속이메스꺼울때 恶心时 Quando você estiver com náuseas when you feel nauseous
- ☐ 咳・痰の出る時 Ho có đàm [기침・가래]사나을때 咳嗽时、有痰时 Quando você tiver tosse e escarro when you have a cough
- ☐ 痒い時 Bị ngứa 가려울때 搔痒时 Quando você tiver coceira when feeling itchy
- ☐ 便秘時 Bị táo bón 변비시 便秘时 Quando você estiver constipado when you are constipated
- ☐ 下痢時 Bị tiêu chảy 설사가나을때 腹瀉时 Quando você sofrer de diarreia when you have diarrhea
- ☐ めまい時 Bị chóng mặt 어지러울때 头晕时 Quando você tiver tontura when you feel dizzy

- ☐ 冷所保存 Bảo quản thuốc nơi mát mẻ 서늘한곳에보관 需冷藏保存
 Por favor, guarde os medicamentos em um lugar fresco (no frigorífico)
 Please keep the medicine in a cool place (in a Refrigerator)



国立国際医療センター
National Center for Global Health and Medicine



<https://www.jihs.go.jp/>